Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 158 /2020/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ ĐỊNH
Về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư chứng khoán phái sinh và hoạt động trên thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kinh doanh chứng khoán phái sinh là việc thực hiện một hoặc một số hoặc toàn bộ các hoạt động sau đây: môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh.

2. Vị thế một chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là vị thế) là trạng thái giao dịch và khối lượng chứng khoán phái sinh chưa đáo hạn mà nhà đầu tư đang nắm giữ tại một thời điểm. Nhà đầu tư mua hoặc bán một chứng khoán phái sinh được gọi là mở vị thế mua hoặc mở vị thế bán chứng khoán phái sinh đó.

3. Vị thế mở một chứng khoán phái sinh thể hiện việc nhà đầu tư đang nắm giữ chứng khoán phái sinh chưa đáo hạn.

4. Vị thế ròng một chứng khoán phái sinh tại một thời điểm được xác định bằng chênh lệch giữa vị thế mua và vị thế bán đã mở của chứng khoán phái sinh đó tại cùng một thời điểm.

5. Giới hạn vị thế là vị thế tối đa của một chứng khoán phái sinh, hoặc của chứng khoán phái sinh đó và các chứng khoán phái sinh khác dựa trên cùng một tài sản cơ sở mà nhà đầu tư được quyền nắm giữ tại một thời điểm.

6. Giới hạn lệnh giao dịch một chứng khoán phái sinh là số lượng chứng khoán phái sinh tối đa có thể đặt trên một lệnh giao dịch.

7. Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là thành viên giao dịch) là công ty chứng khoán được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận trở thành thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh.

8. Thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là thành viên giao dịch đặc biệt) là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận trở thành thành viên giao dịch đặc biệt để giao dịch chứng khoán phái sinh trên trái phiếu Chính phủ.

9. Thành viên tạo lập thị trường là thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt được thực hiện hoạt động tạo lập thị trường cho một hoặc một số chứng khoán phái sinh.

10. Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là thành viên bù trừ) là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh để thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

11. Thành viên bù trừ chung là thành viên bù trừ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của mình, khách hàng của mình và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho thành viên không bù trừ và khách hàng của thành viên không bù trừ đó.

12. Thành viên bù trừ trực tiếp là thành viên bù trừ chỉ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của thành viên bù trừ đó hoặc của thành viên bù trừ đó và khách hàng của mình.

13. Thành viên giao dịch không bù trừ (sau đây gọi tắt là thành viên không bù trừ) là thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt không phải là thành viên bù trừ.

14. Hoạt động tạo lập thị trường là việc thực hiện các giao dịch mua, bán nhằm tạo thanh khoản cho một hoặc một số loại chứng khoán phái sinh giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán.

15. Hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán là hợp đồng trong đó thành viên không bù trừ ủy thác cho một thành viên bù trừ chung thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của mình và khách hàng của mình.

16. Tài sản ký quỹ bù trừ (sau đây gọi tắt là tài sản ký quỹ) là tiền, chứng khoán và tài sản khác theo quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của nhà đầu tư và thành viên bù trừ.

17. Tài khoản ký quỹ bù trừ (sau đây gọi tắt là tài khoản ký quỹ) là tài khoản được mở cho nhà đầu tư, thành viên bù trừ để quản lý vị thế, tài sản ký quỹ và thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

18. Bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh là các hoạt động bao gồm ký quỹ, đối chiếu, xác nhận kết quả giao dịch, xử lý lỗi, thế vị giao dịch, bù trừ, xác định nghĩa vụ thanh toán, chuyển giao tiền hoặc chuyển giao tiền và tài sản cơ sở vào ngày thanh toán.

19. Cơ chế đối tác bù trừ trung tâm là hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện, trong đó Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông qua hoạt động thế vị trở thành một đối tác của giao dịch chứng khoán phái sinh, thành viên bù trừ là đối tác còn lại của giao dịch.

20. Thế vị là việc thay thế một bên trong hợp đồng hoặc giao dịch chứng khoán phái sinh bằng một bên khác, trong đó bên thay thế kế thừa tất cả các quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan đến hợp đồng hoặc giao dịch chứng khoán phái sinh của bên bị thay thế.

Chương II
TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH, TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ BÙ TRỪ, THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Mục 1
TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Điều 4. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (sau đây gọi tắt là công ty quản lý quỹ) chỉ được thực hiện kinh doanh chứng khoán phái sinh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh:

a) Công ty chứng khoán được thực hiện một hoặc một số hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, bao gồm: môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh;

b) Công ty quản lý quỹ chỉ được thực hiện hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh.

2. Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh đối với công ty chứng khoán bao gồm:

a) Được cấp phép đầy đủ nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

b) Đáp ứng các điều kiện về vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu như sau:

- Đối với hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh: có vốn điều lệ, có vốn chủ sở hữu tối thiểu từ 800 tỷ đồng trở lên;

- Đối với hoạt động tự doanh chứng khoán phái sinh: có vốn điều lệ, có vốn chủ sở hữu tối thiểu từ 600 tỷ đồng trở lên;

- Đối với hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh: có vốn điều lệ, có vốn chủ sở hữu tối thiểu từ 250 tỷ đồng trở lên;

- Trường hợp đăng ký kinh doanh cả hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh và tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, công ty chứng khoán phải có vốn điều lệ, có vốn chủ sở hữu tối thiểu từ 800 tỷ đồng trở lên;

c) Đáp ứng yêu cầu về kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro cho hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật về hoạt động của công ty chứng khoán;

d) Đáp ứng điều kiện về nhân sự: Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) phụ trách nghiệp vụ và tối thiểu 05 nhân viên cho mỗi hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh dự kiến đăng ký có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật và chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

đ) Có tỷ lệ vốn khả dụng đạt tối thiểu 220% liên tục trong 12 tháng gần nhất; thực hiện trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật;

e) Không có lỗ trong 02 năm gần nhất;

g) Ý kiến của tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất đã được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét (trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh sau ngày 30 tháng 6) phải là chấp nhận toàn phần;

h) Không đang trong quá trình tổ chức lại, giải thể, phá sản; không đang trong tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh đối với công ty quản lý quỹ bao gồm:

a) Có vốn điều lệ, có vốn chủ sở hữu tối thiểu từ 25 tỷ đồng trở lên;

b) Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) phụ trách nghiệp vụ và tối thiểu 05 nhân viên cho hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh có chứng chỉ hành nghề chứng khoán và chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

c) Đáp ứng quy định tại điểm đ, e, g, h khoản 2 Điều này.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu về việc thực hiện kinh doanh chứng khoán phái sinh;

c) Báo cáo tài chính của 02 năm tài chính gần nhất đã được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét (trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh sau ngày 30 tháng 6); Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong 12 tháng gần nhất;

d) Danh sách Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) phụ trách nghiệp vụ và các nhân viên cho mỗi hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh theo hướng dẫn tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ cá nhân của các cá nhân nêu trên. Hồ sơ cá nhân tối thiểu bao gồm: Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu, chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán, chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, hợp đồng lao động;

đ) Quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị rủi ro cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

2. Tài liệu thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được miễn trừ trong trường hợp tài liệu đó đã được gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định về báo cáo và công bố thông tin.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh được lập thành 01 bộ gốc. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực. Hồ sơ này được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo hình thức trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, công ty chứng khoán được hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh phải thực hiện đăng ký thành viên giao dịch. Trường hợp không đăng ký thành viên giao dịch, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh.

7. Việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh do bổ sung hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh được thực hiện theo quy định tương ứng đối với việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh quy định tại Điều 4, khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này.

Điều 6. Đình chỉ, khôi phục hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định đình chỉ tối đa 12 tháng đối với một hoặc một số hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh của tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh trong các trường hợp sau:

a) Công ty chứng khoán không đáp ứng một hoặc một số quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 4 Nghị định này trong vòng 06 tháng liên tiếp; công ty quản lý quỹ không đáp ứng một hoặc một số quy định tại điểm đ khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 4 Nghị định này trong vòng 06 tháng liên tiếp;

b) Bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Kể từ khi nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đình chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh:

a) Trong thời hạn 24 giờ, tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh có trách nhiệm công bố thông tin về việc đình chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh phải công bố thông tin về phương án, thời hạn và lộ trình xử lý các hợp đồng còn hiệu lực và gửi thông báo cho từng khách hàng của mình về phương án xử lý hợp đồng với khách hàng. Thời hạn xử lý phải bảo đảm khách hàng có tối thiểu 45 ngày để xử lý các vị thế và chuyển khoản tài sản ký quỹ, nhưng không vượt quá 60 ngày, kể từ ngày công bố thông tin.

3. Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động, tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh có trách nhiệm:

a) Định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thực hiện báo cáo, công bố thông tin về tình trạng của mình và các hoạt động có liên quan; không được ký mới các hợp đồng kinh doanh chứng khoán phái sinh, tạm ngừng mọi hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, trừ các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản này;

b) Đối với các hợp đồng kinh doanh chứng khoán phái sinh còn hiệu lực, công ty chứng khoán có trách nhiệm:

- Chỉ tiếp nhận, thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng đối với giao dịch đối ứng; chỉ tiếp nhận tài sản ký quỹ của khách hàng đối với trường hợp bổ sung ký quỹ;

- Chốt số dư, thực hiện tất toán tài khoản khách hàng; thanh lý vị thế và hoàn trả tài sản ký quỹ cho khách hàng; thỏa thuận, bàn giao quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ, chuyển tài khoản, tài sản ký quỹ và vị thế mở của khách hàng sang công ty chứng khoán thay thế theo yêu cầu của khách hàng;

- Thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán nhằm giảm vị thế của khách hàng;

c) Thanh lý, đóng vị thế trên tài khoản tự doanh, tài khoản tạo lập thị trường (nếu có), bảo đảm ưu tiên thực hiện các giao dịch của khách hàng trước các giao dịch đóng vị thế của chính mình;

d) Thanh toán đầy đủ các khoản thuế, giá dịch vụ, các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (nếu có).

4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định khôi phục hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh của tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh chỉ sau khi tổ chức này đã khắc phục được hết các hành vi dẫn tới bị đình chỉ hoạt động.

Điều 7. Chấm dứt tự nguyện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh phải nộp hồ sơ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh và thông qua phương án xử lý các vấn đề liên quan;

c) Phương án xử lý các hợp đồng kinh doanh chứng khoán phái sinh còn hiệu lực, bao gồm phương án xử lý các tài khoản và tài sản ký quỹ của khách hàng.

2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt tự nguyện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh được lập thành 01 bộ gốc. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực. Hồ sơ này được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo hình thức trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi tổ chức kinh doanh chứng khoán yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản cho phép tiến hành các thủ tục chấm dứt tự nguyện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Kể từ khi nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cho phép tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh:

a) Trong vòng 24 giờ, tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh có trách nhiệm công bố thông tin về việc tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, công ty chứng khoán công bố thông tin về phương án, thời hạn và lộ trình xử lý các hợp đồng còn hiệu lực và gửi thông báo cho từng khách hàng của mình về phương án xử lý hợp đồng với khách hàng. Thời hạn xử lý phải bảo đảm khách hàng có tối thiểu 45 ngày để xử lý các vị thế và chuyển khoản tài sản ký quỹ, nhưng không vượt quá 60 ngày, kể từ ngày công bố thông tin.

6. Trong thời gian tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh có trách nhiệm:

a) Định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, báo cáo, công bố thông tin về tình trạng của mình và các hoạt động có liên quan; không được ký mới các hợp đồng kinh doanh chứng khoán phái sinh; chấm dứt mọi hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, trừ các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản này;

b) Đối với các hợp đồng kinh doanh chứng khoán phái sinh còn hiệu lực, công ty chứng khoán có trách nhiệm:

- Chỉ tiếp nhận, thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng đối với giao dịch đối ứng; chỉ tiếp nhận tài sản ký quỹ của khách hàng đối với trường hợp bổ sung ký quỹ;

- Chốt số dư, thực hiện tất toán tài khoản khách hàng; thanh lý vị thế và hoàn trả tài sản ký quỹ cho khách hàng; thỏa thuận, bàn giao quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ, chuyển tài khoản, tài sản ký quỹ và vị thế mở của khách hàng sang tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh thay thế;

- Thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán nhằm giảm vị thế của khách hàng;

c) Thanh lý, đóng vị thế trên tài khoản tự doanh, tài khoản tạo lập thị trường (nếu có), bảo đảm ưu tiên thực hiện các giao dịch của khách hàng trước các giao dịch đóng vị thế của chính mình;

d) Thanh toán đầy đủ các khoản thuế, giá dịch vụ, các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (nếu có).

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất các thủ tục theo quy định tại khoản 5, 6 Điều này, tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh nộp hồ sơ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả xử lý, bao gồm các tài liệu sau:

a) Danh sách khách hàng với đầy đủ thông tin nhận diện khách hàng, số tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh, số tài khoản ký quỹ và danh mục tài sản ký quỹ, vị thế trên từng tài khoản; lý do không thể tất toán, xử lý các tài khoản còn tồn (nếu chưa xử lý được);

b) Biên bản thanh lý, xác nhận của thành viên bù trừ thay thế về việc đã hoàn tất bàn giao toàn bộ tài khoản, tài sản ký quỹ của khách hàng cho thành viên thay thế (nếu có);

c) Quyết định rút tư cách thành viên giao dịch, thành viên bù trừ;

d) Văn bản xác nhận đã thanh toán đầy đủ các khoản thuế, giá dịch vụ, các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo kết quả quy định tại khoản 7 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh đối với trường hợp chấm dứt một hoặc một số hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh hoặc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 8. Chấm dứt bắt buộc hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh bị buộc phải chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh trong các trường hợp sau:

a) Sau thời hạn đình chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh mà vẫn không khắc phục được các vi phạm dẫn tới bị đình chỉ hoạt động;

b) Giải thể, phá sản, tạm ngừng hoạt động hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập mà tổ chức hình thành sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập không đáp ứng một trong các điều kiện kinh doanh quy định tại khoản 2, 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

3. Kể từ khi nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấm dứt bắt buộc hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh thực hiện công bố thông tin và gửi thông báo cho khách hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định này.

4. Tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh thực hiện quy định tại khoản 6, 7 Điều 7 Nghị định này để tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ báo cáo kết quả xử lý.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh đối với trường hợp chấm dứt một hoặc một số hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh hoặc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Mục 2
TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ BÙ TRỪ, THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Điều 9. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh:

a) Công ty chứng khoán được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của mình, khách hàng của mình và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho thành viên không bù trừ và khách hàng của thành viên không bù trừ đó;

b) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho chính ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.

2. Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh đối với công ty chứng khoán bao gồm:

a) Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;

b) Được phép hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh;

c) Đáp ứng các điều kiện về vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu như sau:

- Đối với thành viên bù trừ trực tiếp: có vốn điều lệ, có vốn chủ sở hữu tối thiểu từ 900 tỷ đồng trở lên;

- Đối với thành viên bù trừ chung: có vốn điều lệ, có vốn chủ sở hữu tối thiểu từ 1.200 tỷ đồng trở lên;

d) Tỷ lệ vốn khả dụng đạt tối thiểu 260% liên tục trong 12 tháng gần nhất; hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính năm gần nhất không quá 05 lần; thực hiện trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật;

đ) Không có lỗ trong 02 năm gần nhất;

e) Ý kiến của tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất đã được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét (trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh sau ngày 30 tháng 6) phải là chấp nhận toàn phần;

g) Đáp ứng yêu cầu về kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật về hoạt động của công ty chứng khoán;

h) Không đang trong quá trình tổ chức lại, giải thể, phá sản; không đang trong tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:

a) Đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng;

b) Có vốn điều lệ, có vốn chủ sở hữu tối thiểu từ 5.000 tỷ đồng trở lên đối với ngân hàng thương mại, vốn được cấp từ 1.000 tỷ đồng trở lên đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng trong vòng 12 tháng gần nhất;

d) Đáp ứng quy định tại điểm a, h khoản 2 Điều này.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu về việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

c) Báo cáo tài chính của 02 năm tài chính gần nhất được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh sau ngày 30 tháng 6); Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong 12 tháng gần nhất (đối với công ty chứng khoán) hoặc tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

d) Quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị rủi ro cho hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

đ) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

2. Tài liệu thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được miễn trừ trong trường hợp tài liệu đó đã được gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định về báo cáo và công bố thông tin.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh được lập thành 01 bộ gốc. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc

được chứng thực. Hồ sơ này được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo hình thức trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh phải thực hiện đăng ký thành viên bù trừ. Trường hợp không đăng ký thành viên bù trừ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

Điều 11. Đình chỉ, khôi phục hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định đình chỉ tối đa 12 tháng hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh trong các trường hợp sau:

a) Công ty chứng khoán không đáp ứng quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 9 Nghị định này trong vòng 06 tháng liên tiếp; ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đáp ứng quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 9 Nghị định này trong vòng 06 tháng liên tiếp;

b) Bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh bị đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh phải thực hiện và áp dụng các biện pháp theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 Nghị định này.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định khôi phục hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh chỉ sau khi các tổ chức này đã khắc phục được toàn bộ hành vi dẫn tới bị đình chỉ hoạt động.

Điều 12. Chấm dứt tự nguyện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh tự nguyện chấm dứt hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh phải nộp hồ sơ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu về việc chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh và thông qua phương án xử lý các vấn đề liên quan;

c) Phương án xử lý các hợp đồng cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh còn hiệu lực, bao gồm phương án xử lý các tài khoản và tài sản ký quỹ của khách hàng.

2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt tự nguyện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh được lập thành 01 bộ gốc. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực. Hồ sơ này được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo hình thức trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản cho phép tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Kể từ khi nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cho phép tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh phải thực hiện và áp dụng các biện pháp theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 Nghị định này.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất các thủ tục quy định tại khoản 5 Điều này, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh nộp hồ sơ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả xử lý, bao gồm các tài liệu sau:

a) Danh sách khách hàng với đầy đủ thông tin nhận diện khách hàng, tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh, tài khoản ký quỹ và danh mục tài sản ký quỹ, vị thế trên từng tài khoản; lý do không thể tất toán, xử lý các tài khoản còn tồn (nếu chưa xử lý được);

b) Biên bản thanh lý, xác nhận của thành viên bù trừ thay thế về việc đã hoàn tất bàn giao toàn bộ tài khoản, tài sản ký quỹ của khách hàng cho thành viên thay thế (nếu có);

c) Quyết định rút tư cách thành viên bù trừ;

d) Văn bản xác nhận đã thanh toán đầy đủ các khoản thuế, giá dịch vụ, các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo kết quả xử lý việc chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 13. Chấm dứt bắt buộc hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh bị buộc phải chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh trong các trường hợp sau:

a) Sau thời hạn đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh mà vẫn không khắc phục được các vi phạm dẫn tới bị đình chỉ hoạt động;

b) Giải thể, phá sản, tạm ngừng hoạt động hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; hoặc không còn hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh; hoặc bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập mà tổ chức hình thành sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập không đáp ứng một trong các điều kiện kinh doanh quy định tại khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh bị buộc phải chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

3. Kể từ khi nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấm dứt bắt buộc hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh phải thực hiện và áp dụng các quy định có liên quan theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất các thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh nộp hồ sơ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định này.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

Chương III
THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Mục 1
CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Điều 14. Chứng khoán phái sinh giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh

1. Chứng khoán phái sinh giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh bao gồm:

a) Hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn niêm yết dựa trên tài sản cơ sở là chứng khoán, chỉ số chứng khoán hoặc tài sản khác theo quy định của Chính phủ được sử dụng làm cơ sở để xác định giá trị chứng khoán phái sinh;

b) Hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn giao dịch thỏa thuận dựa trên tài sản cơ sở là chứng khoán, chỉ số chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán.

2. Chứng khoán phái sinh giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về tài sản cơ sở bao gồm: tên, mã và các thông tin khác về tài sản cơ sở;

b) Thông tin về chứng khoán phái sinh bao gồm: tên hợp đồng, quy mô hợp đồng, phương thức giao dịch, giới hạn vị thế, thời gian giao dịch, thời gian đáo hạn, ngày thanh toán cuối cùng, ngày giao dịch cuối cùng, ngày niêm yết, phương thức thực hiện thanh toán, bước giá, đơn vị yết giá, biên độ dao động giá, phương thức xác định giá thanh toán cuối ngày, giá thanh toán cuối cùng, giá tham chiếu, mức ký quỹ;

c) Trường hợp chứng khoán phái sinh là hợp đồng quyền chọn phải có thêm thông tin về loại quyền chọn (mua hoặc bán), kiểu quyền chọn (chỉ thực hiện quyền tại ngày đáo hạn hoặc thực hiện quyền trước hoặc tại ngày đáo hạn), giá thực hiện.

Điều 15. Niêm yết chứng khoán phái sinh

1. Sở giao dịch chứng khoán phối hợp với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định các nội dung của chứng khoán phái sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này; thực hiện việc niêm yết và tổ chức giao dịch chứng khoán phái sinh sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo quy định của pháp luật.

2. Sở giao dịch chứng khoán hủy niêm yết chứng khoán phái sinh trong các trường hợp sau:

a) Chứng khoán phái sinh đáo hạn;

b) Tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh bị hủy niêm yết hoặc không còn được sử dụng làm tài sản cơ sở;

c) Các trường hợp khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy cần thiết phải hủy niêm yết để bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư.

3. Việc hủy niêm yết chứng khoán phái sinh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 16. Đầu tư chứng khoán phái sinh

1. Tổ chức, cá nhân được đầu tư vào các chứng khoán phái sinh trên thị trường chứng khoán phái sinh, trừ trường hợp bị cơ quan có thẩm quyền cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn do vi phạm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các trường hợp đầu tư có điều kiện cụ thể sau đây:

a) Công ty chứng khoán chỉ được đầu tư chứng khoán phái sinh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh cho phép thực hiện hoạt động tự doanh chứng khoán phái sinh;

b) Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư chứng khoán phái sinh nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng khoán đang nắm giữ đối với nguồn vốn ủy thác từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư; công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư chứng khoán phái sinh nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán đối với nguồn vốn của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ không được đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn của mình, nguồn vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;

c) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được đầu tư chứng khoán phái sinh sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

d) Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài chỉ được đầu tư chứng khoán phái sinh theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm;

đ) Tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước chỉ được đầu tư chứng khoán phái sinh sau khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Trong quá trình đầu tư chứng khoán phái sinh, kinh doanh chứng khoán phái sinh, tổ chức, cá nhân tự chịu trách nhiệm về rủi ro và phải tuân thủ quy định pháp luật, không được thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục 2
TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Điều 17. Tổ chức giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Sở giao dịch chứng khoán tổ chức thị trường giao dịch cho chứng khoán phái sinh quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

2. Sở giao dịch chứng khoán chịu trách nhiệm tổ chức, vận hành hoạt động của thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định này, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ của Sở giao dịch chứng khoán.

3. Sở giao dịch chứng khoán có thể tạm ngừng giao dịch một, một số hoặc toàn bộ chứng khoán phái sinh trên thị trường sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận khi xảy ra các trường hợp sau:

a) Không thể xác định được giá trị của tài sản cơ sở do thị trường cơ sở ngừng giao dịch, tài sản cơ sở bị tạm ngừng giao dịch trong vòng 03 ngày làm việc;

b) Xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc sự cố kỹ thuật tại hệ thống giao dịch chứng khoán, hệ thống bù trừ, thanh toán chứng khoán;

c) Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và bảo đảm ổn định, an toàn của thị trường chứng khoán.

Điều 18. Quyền của Sở giao dịch chứng khoán đối với hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Thiết kế sản phẩm, niêm yết, tổ chức giao dịch cho chứng khoán phái sinh niêm yết và ban hành các quy chế nghiệp vụ sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Chấp thuận đăng ký, từ chối đăng ký, đình chỉ, hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường.

3. Trường hợp thành viên giao dịch bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách thành viên không thể thực hiện được thỏa thuận, xác lập thành viên giao dịch thay thế, Sở giao dịch chứng khoán có quyền chỉ định thành viên giao dịch thay thế để tiếp nhận các quyền, nghĩa vụ của thành viên giao dịch bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách thành viên.

4. Yêu cầu Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin cần thiết nhằm thực hiện công tác giám sát và tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định của pháp luật.

5. Các quyền khác theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 46 Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 19. Nghĩa vụ của Sở giao dịch chứng khoán đối với hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Bảo đảm hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật cho hoạt động của thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh; tổ chức hoạt động thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh, giám sát và công bố thông tin về giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra, giám sát việc duy trì điều kiện đăng ký làm thành viên, việc tuân thủ quy chế của Sở giao dịch chứng khoán và quy định của pháp luật liên quan của thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường; kịp thời báo cáo đầy đủ, chính xác về hoạt động thị trường, hoạt động của các thành viên cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định hoặc khi có yêu cầu hoặc khi phát hiện vi phạm.

3. Phối hợp với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bảo đảm hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh, hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh an toàn, hiệu quả theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật liên quan khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 46 Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 20. Giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Giao dịch chứng khoán phái sinh niêm yết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định này được thực hiện thông qua các thành viên giao dịch và Sở giao dịch chứng khoán. Sở giao dịch chứng khoán tổ chức giao dịch chứng khoán phái sinh niêm yết theo phương thức giao dịch khớp lệnh và phương thức giao dịch thỏa thuận.

2. Giao dịch chứng khoán phái sinh giao dịch thỏa thuận quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định này thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên tham gia giao dịch và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. Sau khi giao kết, thực hiện hợp đồng, nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch chứng khoán phái sinh.

Điều 21. Các biện pháp ổn định thị trường

1. Sở giao dịch chứng khoán áp dụng một hoặc một số biện pháp dưới đây để ổn định thị trường và bảo vệ nhà đầu tư theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán:

a) Thay đổi số phiên giao dịch, thời gian giao dịch;

b) Áp dụng, điều chỉnh giới hạn lệnh;

c) Áp dụng biên độ dao động giá, ngắt mạch thị trường;

d) Hạn chế mở vị thế mới;

đ) Dừng hoặc hủy bỏ các lệnh giao dịch.

2. Sở giao dịch chứng khoán được tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Mục 3
THÀNH VIÊN GIAO DỊCH, THÀNH VIÊN GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT, THÀNH VIÊN TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 22. Đăng ký thành viên giao dịch

1. Công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là công ty chứng khoán được thực hiện hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh;

b) Đáp ứng yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán về hạ tầng công nghệ thông tin và quy trình nghiệp vụ cho giao dịch chứng khoán phái sinh;

c) Có hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ chung trong trường hợp đăng ký làm thành viên không bù trừ.

2. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch của công ty chứng khoán bao gồm:

a) Giấy đăng ký thành viên giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;

c) Bản thuyết minh về hạ tầng công nghệ thông tin và quy trình nghiệp vụ theo hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán;

d) Hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ chung trong trường hợp đăng ký làm thành viên không bù trừ.

3. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch được lập thành 01 bộ gốc. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực. Hồ sơ này gửi đến Sở giao dịch chứng khoán theo hình thức trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký thành viên giao dịch hoàn thiện cơ sở vật chất, cài đặt hệ thống, kết nối các phần mềm truyền nhận dữ liệu giao dịch, thử nghiệm giao dịch và các công việc triển khai giao dịch khác;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký thành viên giao dịch sửa đổi, bổ sung.

5. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày công ty chứng khoán hoàn tất các công việc chuẩn bị triển khai giao dịch, Sở giao dịch chứng khoán ra Quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch và công bố thông tin về thành viên mới trên phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

6. Sở giao dịch chứng khoán từ chối chấp thuận tư cách thành viên giao dịch trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đăng ký thành viên không đáp ứng được các điều kiện làm thành viên giao dịch;

b) Hồ sơ đăng ký làm thành viên có tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai sự thật;

c) Công ty chứng khoán không hoàn thiện thủ tục để được cấp quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch trong vòng 90 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản gửi công ty chứng khoán theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Sở giao dịch chứng khoán có văn bản gửi công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên nêu rõ lý do từ chối và thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

7. Thành viên giao dịch phải triển khai hoạt động giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được chấp thuận tư cách thành viên.

8. Việc đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên giao dịch, chấm dứt, hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch, các hình thức xử lý vi phạm của thành viên giao dịch và các hoạt động khác liên quan đến thành viên giao dịch thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

9. Công ty chứng khoán chỉ được đăng ký lại làm thành viên giao dịch sau 02 năm kể từ ngày hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc 03 năm kể từ ngày hủy bỏ tư cách thành viên bắt buộc.

Điều 23. Đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đăng ký làm thành viên giao dịch đặc biệt trên Sở giao dịch chứng khoán khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường trái phiếu Chính phủ của Sở giao dịch chứng khoán;

b) Được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản cho phép đầu tư chứng khoán phái sinh;

c) Có hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ chung trong trường hợp đăng ký làm thành viên không bù trừ;

d) Đáp ứng yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán về hạ tầng công nghệ thông tin và quy trình nghiệp vụ cho giao dịch chứng khoán phái sinh;

đ) Không đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, giải thể; không đang trong tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt bao gồm:

a) Giấy đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép thực hiện đầu tư chứng khoán phái sinh;

c) Bản thuyết minh về hạ tầng công nghệ thông tin và quy trình nghiệp vụ theo hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán;

d) Hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ chung trong trường hợp đăng ký làm thành viên không bù trừ.

3. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt được lập thành 01 bộ gốc. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực. Hồ sơ này gửi đến Sở giao dịch chứng khoán theo hình thức trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt hoàn thiện cơ sở vật chất, cài đặt hệ thống, kết nối các phần mềm truyền nhận dữ liệu giao dịch, thử nghiệm giao dịch và các công việc triển khai giao dịch khác;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt sửa đổi, bổ sung.

5. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoàn tất các công việc chuẩn bị giao dịch, Sở giao dịch chứng khoán ban hành Quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch đặc biệt và công bố thông tin về thành viên mới trên phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

6. Sở giao dịch chứng khoán từ chối chấp thuận tư cách thành viên giao dịch đặc biệt trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đăng ký thành viên không đáp ứng được các điều kiện làm thành viên giao dịch đặc biệt;

b) Hồ sơ đăng ký thành viên có tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai sự thật;

c) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không hoàn thiện thủ tục để được cấp Quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch đặc biệt trong vòng 90 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản gửi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Sở giao dịch chứng khoán có văn bản gửi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đăng ký làm thành viên nêu rõ lý do từ chối và thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

7. Việc đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên giao dịch đặc biệt, chấm dứt, hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch đặc biệt, các hình thức xử lý vi phạm của thành viên giao dịch đặc biệt và các hoạt động khác liên quan đến thành viên giao dịch đặc biệt thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

8. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được đăng ký lại làm thành viên giao dịch đặc biệt sau 02 năm kể từ ngày hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc 03 năm kể từ ngày hủy bỏ tư cách thành viên bắt buộc.

Điều 24. Đăng ký thành viên tạo lập thị trường

1. Thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt đồng thời là thành viên bù trừ được đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường trên cơ sở hợp đồng tạo lập thị trường ký với Sở giao dịch chứng khoán.

2. Sở giao dịch chứng khoán được điều chỉnh số lượng thành viên tạo lập thị trường, từ chối đăng ký thành viên tạo lập thị trường, từ chối gia hạn hợp đồng tạo lập thị trường.

3. Hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy đăng ký thành viên tạo lập thị trường theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp;

c) Bản thuyết minh về hạ tầng công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ theo hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán.

4. Hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường được lập thành 01 bộ gốc. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực. Hồ sơ này gửi đến Sở giao dịch chứng khoán theo hình thức trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký thành viên tạo lập thị trường triển khai thử nghiệm chức năng tạo lập thị trường;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký thành viên tạo lập thị trường sửa đổi, bổ sung.

6. Sau khi thành viên hoàn tất thử nghiệm chức năng yết giá phục vụ hoạt động tạo lập thị trường, Sở giao dịch chứng khoán ban hành thông báo chấp thuận nguyên tắc làm thành viên tạo lập thị trường để thành viên triển khai các công việc chuẩn bị cho hoạt động tạo lập thị trường theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán.

7. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thành viên hoàn tất các công việc chuẩn bị triển khai hoạt động, Sở giao dịch chứng khoán ra Quyết định chấp thuận tư cách thành viên tạo lập thị trường và công bố thông tin về thành viên mới trên phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

8. Sở giao dịch chứng khoán từ chối chấp thuận tư cách thành viên tạo lập thị trường trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đăng ký thành viên không đáp ứng được các điều kiện làm thành viên tạo lập thị trường;

b) Hồ sơ đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường có tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai sự thật;

c) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được chấp thuận nguyên tắc làm thành viên tạo lập thị trường, thành viên không thực hiện các nội dung quy định tại khoản 6 Điều này;

d) Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thành viên không hoàn thiện các thủ tục để được chấp thuận tư cách thành viên.

Sở giao dịch chứng khoán có văn bản gửi tổ chức đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường nêu rõ lý do từ chối và thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

9. Việc đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường, chấm dứt, hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường, các hình thức xử lý vi phạm của thành viên tạo lập thị trường và các hoạt động khác liên quan đến thành viên tạo lập thị trường thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường

1. Quyền và nghĩa vụ của thành viên giao dịch:

a) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư sau khi đã bảo đảm nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch, tài khoản ký quỹ và ký quỹ đầy đủ theo yêu cầu của thành viên bù trừ; định kỳ hoặc theo yêu cầu của nhà đầu tư cung cấp đầy đủ thông tin về các hoạt động trên tài khoản giao dịch cho nhà đầu tư;

b) Thành viên giao dịch bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách thành viên có nghĩa vụ thỏa thuận, xác lập thành viên giao dịch thay thế, có trách nhiệm cung cấp mọi thông tin cần thiết về nhà đầu tư cho thành viên giao dịch thay thế và tiếp tục thực hiện mọi nghĩa vụ của mình cho tới khi hoàn tất việc bàn giao quyền, nghĩa vụ cho thành viên giao dịch thay thế;

c) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 47 Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên giao dịch đặc biệt:

a) Được đầu tư chứng khoán phái sinh dựa trên tài sản cơ sở là trái phiếu Chính phủ cho chính thành viên đó;

b) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 47 Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên tạo lập thị trường:

a) Được hưởng các ưu đãi theo thỏa thuận với Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Mở tài khoản tạo lập thị trường tách biệt với tài khoản tự doanh và các tài khoản giao dịch của nhà đầu tư;

c) Thực hiện báo giá theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 26. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Thành viên giao dịch phải yêu cầu nhà đầu tư cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin nhận biết trước khi ký hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư.

2. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh phải bao gồm các nội dung cơ bản về hoạt động ủy thác bù trừ, thanh toán sau:

a) Thành viên bù trừ có quyền sử dụng tài sản ký quỹ của nhà đầu tư để ký quỹ cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với vị thế mở của nhà đầu tư; có quyền đóng vị thế, sử dụng tài sản ký quỹ của nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư mất khả năng thanh toán;

b) Các rủi ro phát sinh trong trường hợp thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán hoặc bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản.

3. Mẫu hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương IV
BÙ TRỪ, THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Mục 1
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG BÙ TRỪ, THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Điều 27. Tổ chức hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Giao dịch chứng khoán phái sinh niêm yết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định này được bù trừ, thanh toán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm thông qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Giao dịch chứng khoán phái sinh giao dịch thỏa thuận quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định này được bù trừ, thanh toán theo cơ chế đối tác bù trù trung tâm qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam căn cứ theo hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các bên tham gia giao dịch.

Điều 28. Quyền của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; ban hành các quy chế nghiệp vụ sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Chấp thuận đăng ký, từ chối đăng ký, đình chỉ, hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ.

3. Trường hợp thành viên bù trừ bị đình chỉ, hủy bỏ tư cách thành viên không thể thực hiện được thỏa thuận, xác lập thành viên bù trừ thay thế, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có quyền chỉ định thành viên bù trừ thay thế tiếp nhận các quyền, nghĩa vụ của thành viên bù trừ bị đình chỉ, hủy bỏ tư cách thành viên.

4. Quyền của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với thành viên bù trừ:

a) Yêu cầu thành viên bù trừ ký quỹ và đóng góp vào quỹ bù trừ;

b) Yêu cầu thành viên bù trừ báo cáo đầy đủ, kịp thời, chi tiết về hoạt động giao dịch, bù trừ thanh toán, tài khoản và tài sản ký quỹ của nhà đầu tư;

c) Xác định các loại ký quỹ, điều chỉnh mức ký quỹ, danh mục tài sản được chấp nhận ký quỹ;

d) Xác định, điều chỉnh giới hạn vị thế;

đ) Thực hiện các giao dịch đối ứng, chuyển các vị thế đứng tên thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán hoặc phá sản sang thành viên bù trừ thay thế để đóng vị thế;

e) Xác định giá trị và phương thức bồi thường trong trường hợp thành viên bù trừ không đủ tiền để thanh toán hoặc chứng khoán để chuyển giao;

g) Được từ chối thế vị đối với các giao dịch không hợp lệ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Thực hiện các hoạt động sau đây nhằm bảo vệ nhà đầu tư và an toàn của thị trường:

a) Được từ chối thế vị đối với các giao dịch thực hiện sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán để đình chỉ giao dịch đối với thành viên bù trừ và thành viên giao dịch không bù trừ có hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ đó (nếu có);

b) Được đóng vị thế, thanh lý vị thế đứng tên thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán bao gồm vị thế của chính thành viên bù trừ và nhà đầu tư mất khả năng thanh toán;

c) Được sử dụng, bán, chuyển giao tài sản ký quỹ của chính thành viên bù trừ, nhà đầu tư mất khả năng thanh toán để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán;

d) Được sử dụng khoản đóng góp vào quỹ bù trừ của thành viên bù trừ để bảo đảm thanh toán và bù đắp các thiệt hại tài chính cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (nếu có);

đ) Được chuyển tài sản ký quỹ và các vị thế mở của khách hàng tới thành viên bù trừ thay thế theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 31 Nghị định này. Trường hợp không thể thực hiện được, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được đóng vị thế, thanh lý vị thế; sử dụng, bán, chuyển giao tài sản của khách hàng mà thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán ký quỹ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện các nghĩa vụ của khách hàng hoặc bù đắp các thiệt hại tài chính phát sinh từ vị thế mở của khách hàng. Tài sản ký quỹ của khách hàng chỉ được sử dụng để thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng;

e) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam là chủ nợ đối với các khoản phải thu của thành viên bù trừ, được ưu tiên phân chia tài sản theo quy định của pháp luật về phá sản trong trường hợp thành viên bù trừ bị phá sản;

g) Được yêu cầu các thành viên bù trừ khác thực hiện các giao dịch đối ứng để đóng vị thế đứng tên thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán hoặc phá sản, không phân biệt đó là vị thế mở của thành viên bù trừ hay nhà đầu tư mất khả năng thanh toán.

6. Cung cấp dịch vụ quản lý tài khoản và tài sản ký quỹ cho thành viên bù trừ, thành viên không bù trừ, khách hàng của thành viên không bù trừ bảo đảm quản lý tách biệt tới tài khoản của từng khách hàng, tách biệt tới từng danh mục đầu tư của khách hàng.

7. Yêu cầu Sở giao dịch chứng khoán, thành viên bù trừ cung cấp kịp thời, đầy đủ mọi thông tin về giao dịch của thành viên và của nhà đầu tư.

8. Thực hiện các quyền khác theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 29. Nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Bảo đảm hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật cho hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh bảo đảm an toàn, hiệu quả, công bằng và khách quan.

2. Thiết lập, vận hành hệ thống quản trị rủi ro và xây dựng cơ chế bảo đảm thanh toán cho hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

3. Kiểm tra, giám sát thành viên bù trừ trong việc tuân thủ quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và quy định của pháp luật; kịp thời báo cáo đầy đủ, chính xác về hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, hoạt động của các thành viên bù trừ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định hoặc khi có yêu cầu hoặc khi phát hiện vi phạm.

4. Phối hợp, hướng dẫn thành viên bù trừ trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

5. Trong hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ, cam kết của mình chỉ đối với thành viên bù trừ, không chịu trách nhiệm với bên thứ ba.

6. Thiết lập hệ thống bảo đảm quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của thành viên bù trừ với tài khoản, tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; tách biệt tài khoản, tài sản của từng thành viên bù trừ; tách biệt tài khoản, tài sản của thành viên bù trừ và các khách hàng của chính thành viên bù trừ đó.

7. Quản lý và sử dụng quỹ bù trừ, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

8. Các nghĩa vụ khác quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 30. Đăng ký thành viên bù trừ

1. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đăng ký làm thành viên bù trừ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;

b) Là thành viên giao dịch hoặc thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh của Sở giao dịch chứng khoán;

c) Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về hạ tầng công nghệ thông tin và quy trình nghiệp vụ cho hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

2. Hồ sơ đăng ký thành viên bù trừ bao gồm:

a) Giấy đăng ký thành viên bù trừ trên thị trường chứng khoán phái sinh theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;

c) Quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch hoặc Quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch đặc biệt do Sở giao dịch chứng khoán cấp;

d) Bản thuyết minh đáp ứng yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin và quy trình nghiệp vụ theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Hồ sơ đăng ký thành viên bù trừ được lập thành 01 bộ gốc. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực. Hồ sơ này gửi đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo hình thức trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên bù trừ, trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có văn bản chấp thuận nguyên tắc việc đăng ký thành viên bù trừ cho tổ chức đăng ký thành viên bù trừ và yêu cầu thực hiện các công việc để triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký thành viên bù trừ sửa đổi, bổ sung.

5. Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đăng ký làm thành viên bù trừ hoàn thành các công việc theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam từ chối chấp thuận tư cách thành viên bù trừ trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đăng ký thành viên không đáp ứng được các điều kiện làm thành viên bù trừ;

b) Hồ sơ đăng ký làm thành viên bù trừ có tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai sự thật;

c) Tổ chức đăng ký thành viên bù trừ không hoàn thiện thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ trong vòng 90 ngày kể từ ngày Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có thông báo chấp thuận nguyên tắc việc đăng ký thành viên bù trừ.

Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có văn bản gửi tổ chức đăng ký thành viên bù trừ nêu rõ lý do từ chối và thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

7. Việc đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của thành viên bù trừ, chấm dứt, hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ, các hình thức xử lý vi phạm của thành viên bù trừ và các hoạt động khác liên quan đến thành viên bù trừ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

8. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được đăng ký lại làm thành viên bù trừ sau 02 năm kể từ ngày hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc 03 năm kể từ ngày hủy bỏ tư cách thành viên bắt buộc.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của thành viên bù trừ

1. Quyền của thành viên bù trừ:

a) Được yêu cầu nhà đầu tư đóng góp đầy đủ, kịp thời các khoản ký quỹ trước khi đặt lệnh; được xác định các mức ký quỹ tùy thuộc vào tính chất, quy mô giao dịch của khách hàng, bảo đảm không thấp hơn mức ký quỹ tối thiểu theo quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; được lựa chọn loại chứng khoán để ký quỹ trong danh mục tài sản được chấp nhận ký quỹ; được xác định phương thức và thời hạn ký quỹ, bổ sung ký quỹ, thay đổi chứng khoán ký quỹ, chuyển giao tài sản ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Trường hợp nhà đầu tư mất khả năng thanh toán, thành viên bù trừ được quyền:

- Yêu cầu nhà đầu tư thực hiện đóng vị thế, thanh lý vị thế bắt buộc đối với các vị thế mở của nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện, thành viên bù trừ được thực hiện việc đóng vị thế, thanh lý vị thế bắt buộc đối với các vị thế mở của nhà đầu tư;

- Sử dụng, bán, chuyển giao tài sản ký quỹ của nhà đầu tư để mua hoặc làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đối với các vị thế mở của nhà đầu tư;

c) Được sử dụng tài sản ký quỹ của nhà đầu tư để thực hiện nghĩa vụ ký quỹ với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cho vị thế của chính nhà đầu tư đó theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này; được sử dụng tài sản ký quỹ của nhà đầu tư để bảo đảm thanh toán, thực hiện thanh toán đối với các vị thế của nhà đầu tư mà mình đứng tên;

d) Thành viên bù trừ thực hiện nghĩa vụ hợp đồng thay thế cho thành viên bù trừ bị đình chỉ, hủy bỏ tư cách thành viên quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này được nhận tài sản ký quỹ của nhà đầu tư do thành viên bị đình chỉ, hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ chuyển giao để quản lý.

2. Nghĩa vụ của thành viên bù trừ:

a) Là đại diện theo ủy quyền của khách hàng, thay mặt khách hàng chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của khách hàng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Đóng góp vào quỹ bù trừ; ký quỹ đầy đủ, kịp thời cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với các vị thế mở của mình và của khách hàng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ nghiệp vụ theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp có thành viên bù trừ, nhà đầu tư bị mất khả năng thanh toán hoặc bị phá sản;

c) Thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống và quy trình quản lý rủi ro trong từng nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh; thiết lập và vận hành hệ thống tài khoản để quản lý tách biệt tài sản, vị thế giao dịch của từng nhà đầu tư và của nhà đầu tư với thành viên bù trừ;

d) Xác định lãi lỗ vị thế, tính toán các mức ký quỹ và giá trị tài sản ký quỹ cho từng tài khoản giao dịch của nhà đầu tư; yêu cầu nhà đầu tư bổ sung ký quỹ kịp thời và đầy đủ; hoàn trả phần tài sản ký quỹ vượt mức ký quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư; giám sát, quản lý vị thế và tài sản ký quỹ của nhà đầu tư bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật;

đ) Bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. Mức bồi thường theo thỏa thuận với nhà đầu tư;

e) Cung cấp cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bản sao hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán; lưu giữ đầy đủ các chứng từ gốc về bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin về vị thế mở của nhà đầu tư, tài sản ký quỹ của nhà đầu tư và các tài liệu liên quan tới hoạt động giao dịch, bù trừ, thanh toán theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

g) Thanh toán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam kịp thời, đầy đủ các khoản giá dịch vụ và các chi phí khác theo quy định;

h) Thành viên bù trừ bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách thành viên có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ tài sản ký quỹ, vị thế mở của khách hàng, cung cấp mọi thông tin cần thiết về khách hàng cho thành viên bù trừ thay thế và tiếp tục thực hiện mọi nghĩa vụ của mình cho tới khi hoàn tất việc bàn giao quyền, nghĩa vụ cho thành viên bù trừ thay thế;

i) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo theo quy định; cung cấp đầy đủ thông tin định kỳ hoặc theo yêu cầu của nhà đầu tư về các hoạt động trên tài khoản, số dư tài khoản ký quỹ, sao kê tài khoản ký quỹ cho nhà đầu tư.

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 56 Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Mục 2
BÙ TRỪ, THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Điều 32. Nguyên tắc bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bảo đảm khả năng bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của thành viên bù trừ thông qua cơ chế phòng ngừa rủi ro quy định tại Điều 35 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc thanh toán, quyết toán giao dịch chứng khoán phái sinh bằng tiền giữa Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các thành viên bù trừ được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản thông qua ngân hàng thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc chuyển giao tài sản cơ sở là chứng khoán giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện trên hệ thống tài khoản lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 33. Quản lý tài khoản, tài sản ký quỹ của thành viên bù trừ

1. Thành viên bù trừ phải ký quỹ đầy đủ và kịp thời trên tài khoản đứng tên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Tài sản ký quỹ của thành viên bù trừ bao gồm tiền, chứng khoán và tài sản khác đủ điều kiện ký quỹ theo quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Việc ký quỹ của thành viên bù trừ được thực hiện đối với tất cả các vị thế mở đứng tên thành viên bù trừ, bao gồm vị thế mở của chính thành viên bù trừ và vị thế mở của nhà đầu tư theo nguyên tắc sau:

a) Mức ký quỹ được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tính toán cho vị thế mở trên từng tài khoản ký quỹ của nhà đầu tư, thành viên bù trừ để xác định mức ký quỹ yêu cầu đối với từng tài khoản nhà đầu tư của thành viên bù trừ;

b) Tài sản của nhà đầu tư ký quỹ với thành viên bù trừ theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 34 Nghị định này được thành viên bù trừ sử dụng để ký quỹ cho vị thế của chính nhà đầu tư đó, không được sử dụng để ký quỹ cho nhà đầu tư khác hoặc cho vị thế của chính thành viên bù trừ.

3. Hàng ngày và trong các phiên giao dịch có giá chứng khoán biến động mạnh, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định mức ký quỹ yêu cầu trên từng tài khoản của nhà đầu tư và tài khoản của thành viên bù trừ, xác định tổng giá trị tài sản ký quỹ yêu cầu mà thành viên bù trừ phải ký quỹ và giá trị tài sản ký quỹ bổ sung của thành viên bù trừ (nếu có).

4. Thành viên bù trừ có trách nhiệm bổ sung ký quỹ hoặc đóng một phần hoặc đóng toàn bộ vị thế theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp thành viên bù trừ không bổ sung đầy đủ, kịp thời, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có quyền đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế đứng tên thành viên bù trừ, bao gồm vị thế của chính thành viên bù trừ và vị thế của nhà đầu tư không nộp bổ sung ký quỹ đầy đủ, kịp thời.

5. Trường hợp giá trị tài sản ký quỹ của nhà đầu tư, thành viên bù trừ lớn hơn mức ký quỹ theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên bù trừ được rút bớt tài sản ký quỹ theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Loại ký quỹ, phương pháp xác định mức ký quỹ, phương thức ký quỹ, thời hạn ký quỹ, bổ sung ký quỹ, chuyển giao tài sản ký quỹ, phương thức định giá tài sản ký quỹ, xác định lãi lỗ vị thế, hoạt động quản lý tài khoản và tài sản ký quỹ của thành viên bù trừ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 34. Quản lý tài khoản, tài sản ký quỹ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phải ký quỹ đầy đủ và kịp thời cho thành viên bù trừ theo các điều khoản của hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh. Tài sản ký quỹ phải nằm trong danh mục tài sản được thành viên bù trừ chấp nhận ký quỹ.

2. Hàng ngày và trong các phiên giao dịch có giá chứng khoán biến động mạnh, thành viên bù trừ tính toán lãi lỗ vị thế, đánh giá lại giá trị tài sản ký quỹ, bảo đảm nhà đầu tư luôn duy trì ký quỹ theo thỏa thuận tại hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Nhà đầu tư có trách nhiệm bổ sung ký quỹ theo yêu cầu của thành viên bù trừ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp nhà đầu tư không bổ sung đầy đủ, kịp thời ký quỹ theo yêu cầu, thành viên bù trừ có quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định này. Trường hợp giá trị tài sản ký quỹ của nhà đầu tư lớn hơn mức ký quỹ theo yêu cầu của thành viên bù trừ, nhà đầu tư được rút bớt tài sản ký quỹ.

4. Thành viên bù trừ phải quản lý tách biệt tài khoản và tài sản ký quỹ tới từng nhà đầu tư; tách biệt với tài khoản và tài sản ký quỹ của chính thành viên bù trừ theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp tài sản ký quỹ là tiền, thành viên bù trừ phải mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, quản lý tách biệt tiền gửi ký quỹ của từng nhà đầu tư. Thành viên bù trừ có trách nhiệm phối hợp với ngân hàng và yêu cầu ngân hàng cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác về số dư tiền trên tài khoản của nhà đầu tư;

b) Trường hợp tài sản ký quỹ là chứng khoán, thành viên bù trừ quản lý tài sản này trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Trường hợp thành viên bù trừ bị phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản, tài sản ký quỹ của nhà đầu tư không phải là tài sản của thành viên bù trừ và không được sử dụng để xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản, không được phân chia cho các chủ nợ của thành viên bù trừ hoặc phân chia cho các cổ đông, thành viên góp vốn của công ty dưới mọi hình thức. Tài sản này chỉ được sử dụng để thanh toán, bảo đảm thanh toán đối với nghĩa vụ phát sinh từ vị thế mở của nhà đầu tư. Phần tài sản còn lại sau khi đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của nhà đầu tư thì phải được hoàn trả ngay cho nhà đầu tư.

6. Hoạt động quản lý tài khoản và tài sản ký quỹ của nhà đầu tư thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 35. Cơ chế phòng ngừa rủi ro tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được áp dụng các biện pháp sau để phòng ngừa rủi ro cho hệ thống thanh toán và bảo vệ nhà đầu tư:

a) Xác định và điều chỉnh các mức ký quỹ quy định;

b) Yêu cầu thành viên bù trừ đóng góp vào quỹ bù trừ;

c) Xác định và điều chỉnh giới hạn vị thế áp dụng cho thành viên bù trừ, nhà đầu tư;

d) Đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế mở của nhà đầu tư, thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán;

đ) Sử dụng quỹ bù trừ và thực hiện các biện pháp khác theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định này.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa rủi ro sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 36. Phối hợp giữa Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

Trong phạm vi hoạt động của mình, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phối hợp thực hiện:

1. Hướng dẫn các nội dung về chứng khoán phái sinh niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

2. Cấp mã số định danh cho nhà đầu tư, mã giao dịch, mã ISIN cho chứng khoán phái sinh.

3. Phối hợp xử lý trong trường hợp công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị đình chỉ giao dịch, hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt của Sở giao dịch chứng khoán hoặc bị đình chỉ hoạt động bù trừ thanh toán chứng khoán phái sinh, hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Thiết lập, quản lý giới hạn vị thế, xác định các loại giá thanh toán, chia sẻ thông tin và thực hiện công tác giám sát, các hoạt động khác khi cần thiết.

Chương V
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 37. Chế độ báo cáo

1. Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường, thành viên bù trừ phải lưu giữ mọi chứng từ về giao dịch và hoạt động kinh doanh của mình.

2. Định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh thực hiện báo cáo hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, báo cáo hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, báo cáo giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường, thành viên bù trừ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu và giải trình theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường, thành viên bù trừ phải thực hiện báo cáo cho Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch chứng khoán phái sinh, kinh doanh chứng khoán phái sinh, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến giao dịch chứng khoán phái sinh và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Các đối tượng nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Nghĩa vụ công bố thông tin

Việc công bố thông tin của các đối tượng tham gia đầu tư, hoạt động trên thị trường chứng khoán phái sinh thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI
QUẢN LÝ, GIÁM SÁT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Điều 39. Hoạt động giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Giám sát giao dịch chứng khoán phái sinh; giám sát các hoạt động về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán của tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường, thành viên bù trừ.

3. Giám sát việc tổ chức thực hiện các quy trình, quy chế, quy định nội bộ liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ trong kinh doanh và cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư tại tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

4. Giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh và tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; việc tuân thủ các quy định về hạn chế hoạt động, bảo vệ quyền và lợi ích nhà đầu tư theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Giám sát việc quản lý tách bạch tài khoản, tài sản của nhà đầu tư và tài khoản, tài sản của tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật liên quan.

6. Giám sát việc lưu trữ, quản lý dữ liệu giao dịch, việc tuân thủ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

Điều 40. Hoạt động giám sát của Sở giao dịch chứng khoán

1. Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm giám sát các hoạt động sau:

a) Giám sát các thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định của pháp luật liên quan;

b) Giám sát hoạt động giao dịch của tổ chức, cá nhân trên Sở giao dịch chứng khoán nhằm phát hiện, ngăn ngừa các giao dịch có dấu hiệu bất thường, các giao dịch có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán phái sinh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 41. Hoạt động giám sát của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm giám sát các hoạt động sau:

a) Giám sát thành viên bù trừ trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định của pháp luật liên quan; quản lý và giám sát việc duy trì các mức ký quỹ theo quy định;

b) Giám sát nhà đầu tư tuân thủ quy định về giới hạn vị thế của nhà đầu tư khi tham gia giao dịch chứng khoán phái sinh.

2. Trường hợp phát hiện dấu hiệu bất thường trong hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch hoặc có dấu hiệu nhà đầu tư, thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cảnh báo, yêu cầu thành viên bù trừ giải trình, cung cấp tài liệu và thông tin liên quan và kịp thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thay thế Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

2. Các quy định về hoạt động nghiệp vụ tại Nghị định này áp dụng đối với Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam do Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện cho đến khi Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được chính thức hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Điều 43. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 110

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh
Mẫu số 02	Danh sách thành viên Ban Giám đốc, nhân viên hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh
Mẫu số 03	Giấy đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh
Mẫu số 04	Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh
Mẫu số 05	Giấy đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh
Mẫu số 06	Giấy đăng ký thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh
Mẫu số 07	Giấy đăng ký thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh
Mẫu số 08	Giấy đăng ký thành viên bù trừ trên thị trường chứng khoán phái sinh

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ..... tháng ..... năm .....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chúng tôi là:

- Tên tổ chức:... (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Vốn điều lệ:

- Vốn chủ sở hữu:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

Căn cứ các điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh theo quy định của pháp luật, chúng tôi nhận thấy đáp ứng đủ điều kiện theo yêu cầu. Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho công ty chúng tôi thực hiện/điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh:

- Hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh đề nghị:

Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh.

Hồ sơ kèm theo:
(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ..... tháng ..... năm .....

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC, NHÂN VIÊN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Tên tổ chức: ... (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:

- Trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin đăng ký danh sách thành viên Ban Giám đốc Công ty phụ trách, nhân viên nghiệp vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh cùng mẫu chữ ký như sau:

STT	Họ và tên	Số CMND hoặc CCCD hoặc Hộ chiếu	Loại CCHN kinh doanh chứng khoán, chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh	Vị trí công tác dự kiến	Chữ ký

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực về những nội dung trên.

Hồ sơ cá nhân kèm theo:
(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ..... tháng ..... năm .....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chúng tôi là:

- Tên tổ chức:... (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Vốn điều lệ:

- Vốn chủ sở hữu:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho công ty chúng tôi được chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh như sau:

.....

Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh.

Hồ sơ kèm theo:
(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ..... tháng ..... năm .....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ BÙ TRỪ, THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chúng tôi là:

- Tên tổ chức:... (tên đầy đủ và chính thức của công ty/ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Vốn điều lệ:

- Vốn chủ sở hữu:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

Căn cứ các điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định của pháp luật, chúng tôi nhận thấy đáp ứng đủ điều kiện theo yêu cầu. Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho công ty/ngân hàng chúng tôi thực hiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh.

Hồ sơ kèm theo:
(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ..... tháng ..... năm .....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ BÙ TRỪ, THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chúng tôi là:

- Tên tổ chức:... (tên đầy đủ và chính thức của công ty/ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Vốn điều lệ:

- Vốn chủ sở hữu:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho công ty/ngân hàng chúng tôi chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh.

Hồ sơ kèm theo:
(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng ..... năm .....

GIẤY ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN GIAO DỊCH/THÀNH VIÊN GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán.

Chúng tôi là:

Tên tổ chức... (tên đầy đủ và chính thức của công ty/ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Giấy phép thành lập và hoạt động số..... ngày..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Ngân hàng Nhà nước cấp.

- Trụ sở chính: Điện thoại:
- Vốn điều lệ:
- Vốn chủ sở hữu:
- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh:
- Hình thức thanh toán bù trừ

+ Thành viên bù trừ trực tiếp

+ Thành viên bù trừ chung

+ Đã ký hợp đồng ủy thác bù trừ với đối tác:

- Cổ đông/Thành viên góp vốn (nêu rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ).

Căn cứ các điều kiện làm thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt theo quy định của pháp luật, chúng tôi nhận thấy đáp ứng đủ điều kiện theo yêu cầu. Chúng tôi xin đăng ký làm thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh.

Hình thức kết nối giao dịch:

☐ *Kết nối qua hệ thống giao dịch trực tuyến*

- Địa điểm kết nối giao dịch trực tuyến:
- Tên nhà cung cấp phần mềm giao dịch trực tuyến:
- Tên phần mềm giao dịch trực tuyến:

☐ *Kết nối qua hệ thống giao dịch từ xa*

- Số lượng máy:

- Loại máy:

- Phần mềm sử dụng:

- Số lượng nhân viên máy tính

Chúng tôi đảm bảo các thông tin trên đây và thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác. Nếu được chấp thuận làm thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt của Sở giao dịch chứng khoán, chúng tôi cam kết tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế nghiệp vụ của Sở giao dịch chứng khoán.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng ..... năm .....

GIẤY ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán.

Chúng tôi là:

Tên tổ chức... (tên đầy đủ và chính thức của công ty/ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Giấy phép thành lập và hoạt động số ... ngày.... tháng.... năm do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;

Là thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh theo Quyết định số.... do Sở giao dịch chứng khoán ban hành ngày.... tháng.... năm....;

Là thành viên bù trừ trên thị trường chứng khoán phái sinh theo Quyết định số.... do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành ngày.... tháng.... năm....;

Được Ngân hàng Nhà nước cho phép đầu tư chứng khoán phái sinh và bù trừ chứng khoán phái sinh theo Quyết định số... ngày.... tháng... năm... (nếu là ngân hàng thương mại)

Trụ sở chính: Điện thoại:

Vốn điều lệ:

Vốn chủ sở hữu:

Nghiệp vụ kinh doanh:

Căn cứ các điều kiện làm thành viên tạo lập thị trường theo quy định pháp luật, chúng tôi nhận thấy đáp ứng đủ điều kiện theo yêu cầu. Chúng tôi xin đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh của Sở giao dịch chứng khoán như sau:

1. Thời hạn tham gia hoạt động tạo lập thị trường: *Không thời hạn hoặc.... tháng kể từ ngày được chấp thuận*

2. Kết nối giao dịch:

- Địa điểm kết nối thực hiện nghiệp vụ tạo lập thị trường:

- Tên nhà cung cấp phần mềm tạo lập thị trường:

- Tên phần mềm tạo lập thị trường:

3. Nhân sự phụ trách nghiệp vụ tạo lập thị trường:

Tên (Tổng) Giám đốc/Phó (Tổng) Giám đốc hoặc/và Nhân viên nghiệp vụ phụ trách hoạt động tạo lập thị trường *(Điền đầy đủ các thông tin sau đối với mỗi cá nhân):*

- Tên:

- Chức vụ:

- Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán số:

- Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh

(Hồ sơ, quyết định bổ nhiệm các cá nhân trên đính kèm với Hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường).

Chúng tôi xin đảm bảo các thông tin trên đây và thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác. Nếu được chấp thuận làm thành viên tạo lập thị trường trên thị trường chứng khoán phái sinh của Sở giao dịch chứng khoán, chúng tôi cam kết tuân thủ quy định pháp luật và các quy chế nghiệp vụ của Sở giao dịch chứng khoán, các điều khoản trong hợp đồng tạo lập thị trường.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ..... tháng ..... năm .....

GIẤY ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN BÙ TRỪ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Kính gửi: Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Chúng tôi là:

Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức của công ty/ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Tên viết tắt đã đăng ký thành viên lưu ký:

Trụ sở chính:

Vốn điều lệ:

Điện thoại: Fax:

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số..... ngày..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh số ..... ngày ..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Căn cứ các điều kiện làm thành viên bù trừ theo quy định pháp luật, chúng tôi nhận thấy đáp ứng đủ điều kiện theo yêu cầu. Chúng tôi xin đăng ký loại thành viên bù trừ: *(thành viên bù trừ chung/(thành viên bù trừ trực tiếp)*

Chúng tôi xin đảm bảo các thông tin trên đây và thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định pháp luật và các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)